

Số: 17/TB- MNTT

Thượng Thanh, ngày 07 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của CBGVNV tháng 03 năm 2025

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường mầm non Thượng Thanh thông báo về việc niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của CBGVNV tháng 03 năm học 2024 - 2025 như sau:

- Biểu mẫu công khai: chi tiết theo bảng lương kèm theo thông báo.
- Địa điểm niêm yết: Bảng công khai phòng hành chính trường mầm non Thượng Thanh.
- Hình thức niêm yết: Niêm yết tại bảng công khai phòng hành chính trường MN Thượng Thanh; cổng thông tin điện tử: mnthuongthanh@longbien.edu.vn
- Thời gian niêm yết: Từ ngày 07 tháng 03 năm 2025 đến hết ngày 10 tháng 03 năm 2025.
- Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Trong suốt thời gian công khai.
- Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc theo số điện thoại: 024.38772996, email: mnthuongthanh@longbien.edu.vn.
- Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Khi nhận được ý kiến có địa chỉ rõ ràng, ban công khai sẽ thống nhất và giải đáp kịp thời.

Nơi nhận:

- Ban công khai
 - CBGVNV
 - Lưu: VT (02).
- } để thực hiện;



Nguyễn Thị Thanh Hòa

Thượng Thanh, ngày 07 tháng 03 năm 2025

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của
CBGVNV tháng 03 năm 2025**

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ thông báo số 17/TB-MNTT ngày 19/03/2025 của trường mầm non Thượng Thanh về việc niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của CBGVNV tháng 03 năm 2025;

Hôm nay, vào hồi 08h20 ngày 07 tháng 03 năm 2025, tại Trường mầm non Thượng Thanh.

Thành phần tham dự gồm có:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	NV được giao
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Bà Vũ Ngọc Bích	CTCD - P. Hiệu trưởng	Phó ban
3	Bà Trần Thị Thu Hằng	TB TTND+TTCM	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Phương Mai	TTVP – NV kế toán	Thành viên
5	Bà Hoàng Thị Tuyết Ngọc	NVND kiêm văn thư	Thư ký

+ Người chứng kiến: Bà Đỗ Thị Hương –TTCM khối MGL

- Đã tiến hành niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của CBGVNV tháng 03 năm 2025.

- Thời gian niêm yết: Từ ngày 07 tháng 03 năm 2025 đến hết ngày 10 tháng 03 năm 2025.

- Địa điểm niêm yết: Bảng công khai phòng hành chính trường mầm non Thượng Thanh.

- Hình thức niêm yết: Niêm yết tại bảng công khai phòng hành chính trường MN Thượng Thanh; công thông tin điện tử: mnthuongthanh.longbien.edu.vn.

Trong quá trình niêm yết công khai, nếu có ý kiến sẽ phản hồi trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc theo số điện thoại: 024.38772996, email: mnthuongthanh@longbien.edu.vn.

Biên bản lập xong vào hồi 08h50 ngày 07 tháng 03 năm 2025, đã được các thành phần cùng nghe và nhất trí thông qua.

NGƯỜI LẬP



Hoàng Thị Tuyết Ngọc

NGƯỜI CHỨNG KIẾN



Đỗ Thị Hương

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VIÊN CHỨC THÁNG 03 NĂM 2025 (2.340.000)

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên	Tiền lương				Phụ cấp lương												Tổng trừ các khoản BH 10,5%	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận
		HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	Phụ cấp chức vụ				Phụ cấp thâm niên nhà giáo				PC ưu đãi nghề		PC trách nhiệm				
						HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh			
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	3,99	9.336.600	886.977	8.449.623	0,50	1.170.000	111.150	1.058.850	0,8531	1.996.254	189.644	1.806.610	1,5715	3.677.310			1.187.771	14.992.393	
2	Vũ Ngọc Bích	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019	0,35	819.000	85.995	733.005	0,4784	1.119.456	117.543	1.001.913	1,2880	3.013.920			1.021.719	11.722.857	
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019	0,35	819.000	85.995	733.005	0,3680	861.120	90.418	770.702	1,2880	3.013.920			994.594	11.491.646	
4	Nguyễn Thị Thanh Giang	4,27	9.991.800	1.049.139	8.942.661					1,0248	2.398.032	251.793	2.146.239	1,4945	3.497.130			1.300.932	14.586.030	
5	Lê Thị Tuyết Mai	3,65	8.541.000	896.805	7.644.195					0,6205	1.451.970	152.457	1.299.513	1,2775	2.989.350			1.049.262	11.933.058	
6	Đinh Thị Hoài	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,6666	1.559.844	163.784	1.396.060	1,0605	2.481.570			908.255	10.223.359	
7	Trần Thị Thu Hằng	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,4848	1.134.432	119.115	1.015.317	1,0605	2.481.570	0,2	468.000	863.586	10.310.616	
8	Phạm Thị Khoa	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,4995	1.168.830	122.727	1.046.103	1,1655	2.727.270	0,2	468.000	940.908	11.215.392	
9	Bùi Hồng Ngân	3,66	8.564.400	899.262	7.665.138					0,5124	1.199.016	125.897	1.073.119	1,2810	2.997.540			1.025.159	11.735.797	
10	Đào Thị Phượng	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3939	921.726	96.781	824.945	1,0605	2.481.570			841.252	9.652.244	
11	Nguyễn Thị Thanh Huệ	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3636	850.824	89.337	761.487	1,0605	2.481.570			833.808	9.588.786	
12	Phạm Thị Thanh Hà	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3333	779.922	81.892	698.030	1,0605	2.481.570			826.363	9.525.329	
13	Đinh Thị Ngọc Dung	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,3663	857.142	90.000	767.142	1,1655	2.727.270			908.181	10.468.431	
14	Nguyễn Thị Lý	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,3663	857.142	90.000	767.142	1,1655	2.727.270	0,2	468.000	908.181	10.936.431	
15	Đỗ Thị Hương	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,3330	779.220	81.818	697.402	1,1655	2.727.270	0,2	468.000	899.999	10.866.691	

TT	Họ và tên	Tiền lương				Phụ cấp lương												Tổng trừ các khoản BH 10,5%	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận
		HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	Phụ cấp chức vụ				Phụ cấp thâm niên nhà giáo				PC ưu đãi nghề		PC trách nhiệm				
						HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh			
16	Hoàng Thị Thu Hương	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3030	709.020	74.447	634.573	1,0605	2.481.570			818.918	9.461.872	
17	Chu Thị Thanh Hoa	3,00	7.020.000	737.100	6.282.900					0,2400	561.600	58.968	502.632	1,0500	2.457.000			796.068	9.242.532	
18	Lê Thị Ngọc	2,67	6.247.800	656.019	5.591.781					0,1869	437.346	45.921	391.425	0,9345	2.186.730			701.940	8.169.936	
19	Đinh Mỹ Linh	2,41	5.639.400	592.137	5.047.263					0,1446	338.364	35.528	302.836	0,8435	1.973.790			627.665	7.323.889	
20	Trịnh Thị Phương Thảo		0	0	0									0,8435	1.973.790			0	1.973.790	
21	Nguyễn Thị Phương Mai	3,66	8.564.400	899.262	7.665.138											0,2	468.000	899.262	8.133.138	
	Tổng cộng	65,47	153.199.800	15.992.613	137.207.187	1,2	2.808.000	283.140	2.524.860	8,5390	19.981.260	2.078.070	17.903.190	22,8970	53.578.980	1,0	2.340.000	18.353.823	213.554.217	

Số tiền (Bằng chữ): Hai trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi tư nghìn hai trăm mười bảy đồng.

Ngày 07 tháng 03 năm 2025

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Phương Mai

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa

BẢNG TRUY LĨNH TIỀN LƯƠNG VIÊN CHỨC (2.340.000)

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên	Thời gian hưởng	Số tháng	Tiền lương						Phụ cấp lương							Tổng trừ các khoản BII 9,5%	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận
				HS cũ	HS mới	Chênh lệch	Thành tiền	Trừ BH 9,5%	Thực lĩnh	Phụ cấp thâm niên nhà giáo				PC ưu đãi nghề					
										Mức PC	HS	Thành tiền	Trừ BH 9,5%	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh			
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	T2/2025-T2/2025	1	3,66	3,99	0,33	772.200	73.360	698.840	19%	0,0792	185.328	17.606	167.722	0,1155	270.270	90.966	1.136.832	
	Tổng cộng		1	3,66	3,99	0,33	772.200	73.360	698.840		0,0792	185.328	17.606	167.722	0,1155	270.270	90.966	1.136.832	

Số tiền (Bằng chữ) : Một triệu một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi hai đồng.

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Phương Mai

Ngày 07 tháng 03 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa

TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH

BẢNG THANH TOÁN TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NĐ111 THÁNG 03 NĂM 2025

DVT : Đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền công			Phụ cấp trách nhiệm		Tổng trừ các khoản BH 10.5%	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận
			Thành tiền	Trừ 10,5% BH	Thực lĩnh	Hệ số	Thực lĩnh			
1	Phùng Minh Tâm	Bảo vệ	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
2	Phùng Văn Kỳ	Bảo vệ	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
3	Nguyễn Thanh Tùng	Bảo vệ	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
4	Nguyễn Thị Liên	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
5	Nguyễn Thị Hà	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
6	Ngô Thị Thùy Liên	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200	0,2	468.000	520.800	4.907.200	
7	Phạm Quang Tiến	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
8	Hoàng Thị Tuyết Ngọc	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
Tổng cộng			39.680.000	4.166.400	35.513.600	0,2	468.000	4.166.400	35.981.600	

Số tiền (Bằng chữ) : Ba mươi lăm triệu chín trăm tám mươi một nghìn sáu trăm đồng.

Ngày 07 tháng 03 năm 2025

KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Mai



Nguyễn Thị Thanh Hòa

TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH

BẢNG NHẬN TIỀN KHOẢN CÔNG TÁC PHÍ THÁNG 03 NĂM 2025

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ký nhận
1	Nguyễn Thị Phương Mai	Kế toán	300.000	
2	Hoàng Thị Tuyết Ngọc	NV nuôi dưỡng kiêm Văn thư	300.000	
Tổng cộng			600.000	

Số tiền (Bằng chữ) : Sáu trăm nghìn đồng.

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Phương Mai

Ngày 07 tháng 03 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa

TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LÀM BÁN TRÚ + THỨ 7 THÁNG 02/2025**

ĐVT : Đồng

TT	Họ tên	Chức vụ	Bán trú			Thứ 7			Tổng tiền	Ký nhận
			Số công	Số tiền/công	Tổng	Số công	Số tiền/công	Tổng		
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Hiệu trưởng	20	92.900	1.858.000				1.858.000	
2	Vũ Ngọc Bích	P.Hiệu trưởng	19	92.900	1.765.100	1	343.900	343.900	2.109.000	
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	P.Hiệu trưởng	19	92.900	1.765.100	2	343.900	687.800	2.452.900	
4	Nguyễn T Thanh Giang	Giáo viên	20	92.900	1.858.000	1	343.900	343.900	2.201.900	
5	Lê Thị Tuyết Mai	Giáo viên	20	92.900	1.858.000	1	343.900	343.900	2.201.900	
6	Đinh Thị Hoài	Giáo viên	20	92.900	1.858.000	1	343.900	343.900	2.201.900	
7	Trần Thị Thu Hằng	Giáo viên	20	92.900	1.858.000	2	343.900	687.800	2.545.800	
8	Phạm Thị Khoa	Giáo viên	20	92.900	1.858.000	2	343.900	687.800	2.545.800	
9	Bùi Hồng Ngân	Giáo viên	20	92.900	1.858.000	2	343.900	687.800	2.545.800	
10	Đào Thị Phượng	Giáo viên	20	92.900	1.858.000	1	343.900	343.900	2.201.900	
11	Nguyễn Thị Thanh Huệ	Giáo viên	20	92.900	1.858.000	1	343.900	343.900	2.201.900	
12	Phạm Thị Thanh Hà	Giáo viên	20	92.900	1.811.550	1	343.900	343.900	2.155.450	
13	Đinh Thị Ngọc Dung	Giáo viên	20	92.900	1.858.000				1.858.000	
14	Nguyễn Thị Lý	Giáo viên	19,5	92.900	1.811.550	1	343.900	343.900	2.155.450	
15	Đỗ Thị Hương	Giáo viên	20	92.900	1.858.000	1	343.900	343.900	2.201.900	
16	Hoàng Thị Thu Hương	Giáo viên	20	92.900	1.858.000	1	343.900	343.900	2.201.900	
17	Chu Thị Thanh Hoa	Giáo viên	20	92.900	1.858.000	1	343.900	343.900	2.201.900	
18	Lê Thị Ngọc	Giáo viên	19,5	92.900	1.811.550				1.811.550	

TT	Họ tên	Chức vụ	Bán trú			Thứ 7			Tổng tiền	Ký nhận
			Số công	Số tiền/công	Tổng	Số công	Số tiền/công	Tổng		
19	Đinh Mỹ Linh	Giáo viên	19,5	92.900	1.811.550	1	343.900	343.900	2.155.450	
20	Phạm Thị Cẩm Vân	Giáo viên HĐ	19	92.900	1.765.100	1	343.900	343.900	2.109.000	
21	Nguyễn Thị Phương Mai	Kế toán	20	92.900	1.858.000	2	343.900	687.800	2.545.800	
22	Nguyễn Thị Liên	NV nuôi	20	92.900	1.858.000	1	343.900	343.900	2.201.900	
23	Nguyễn Thị Hà	NV nuôi	20,0	92.900	1.858.000	1	343.900	343.900	2.201.900	
24	Ngô Thị Thùy Liên	NV nuôi	19,5	92.900	1.811.550	1	343.900	343.900	2.155.450	
25	Phạm Quang Tiến	NV nuôi	19,5	92.900	1.811.550				1.811.550	
26	Hoàng Thị Tuyết Ngọc	NV nuôi	19	92.900	1.765.100	1	343.900	343.900	2.109.000	
27	Phùng Minh Tâm	Bảo vệ	6	92.900	557.400				557.400	
28	Phùng Văn Kỳ	Bảo vệ	7	92.900	650.300				650.300	
29	Nguyễn Thanh Tùng	Bảo vệ	7	92.900	650.300				650.300	
	Tổng cộng		533		49.515.700	27		9.285.300	58.801.000	

Số tiền (Bằng chữ) : Năm mươi tám triệu tám trăm linh một nghìn đồng.

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Phương Mai

Ngày 07 tháng 03 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa

TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH

DANH SÁCH CHI HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN TRỢ GIẢNG MÔN TIẾNG ANH, NĂNG KHIẾU THÁNG 02/2025

DVT : Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Môn Tiếng Anh			Môn năng khiếu (Vẽ, võ, múa)			Tổng cộng	Ký nhận
			Số ca	Số tiền/ca	Thành tiền	Số ca	Số tiền/ca	Thành tiền		
I	HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ				1.005.400			582.100	1.587.500	
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Hiệu trưởng			251.400			145.500	396.900	
2	Vũ Ngọc Bích	P.Hiệu trưởng			201.000			116.400	317.400	
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	P.Hiệu trưởng			201.000			116.400	317.400	
4	Nguyễn Thị Phương Mai	Kế toán			176.000			101.900	277.900	
5	Lê Thị Tuyết Mai	Thủ quỹ			176.000			101.900	277.900	
II	HỖ TRỢ CHO GV TRỢ GIẢNG		24		1.759.200	40		1.018.000	2.777.200	
1	Hoàng Thị Thu Hương	GV lớp A1	4	73.300	293.200	9	25.450	229.050	522.250	
2	Đinh Thị Ngọc Dung	GV lớp A2	4	73.300	293.200	8	25.450	203.600	496.800	
3	Nguyễn Thị Thanh Huệ	GV lớp B1	5	73.300	366.500	6	25.450	152.700	519.200	
4	Đinh Thị Hoài	GV lớp B2	3	73.300	219.900	7	25.450	178.150	398.050	
5	Đào Thị Phượng	GV lớp C1	2	73.300	146.600	4	25.450	101.800	248.400	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Môn Tiếng Anh			Môn năng khiếu (Vẽ, võ, múa)			Tổng cộng	Ký nhận
			Số ca	Số tiền/ca	Thành tiền	Số ca	Số tiền/ca	Thành tiền		
6	Phạm Thị Cẩm Vân	GV lớp C2	6	73.300	439.800	6	25.450	152.700	592.500	
Tổng cộng(I+II)			24		2.764.600	40		1.600.100	4.364.700	

Số tiền (Bằng chữ) : Bốn triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm đồng.

Ngày 07 tháng 03 năm 2025

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Phương Mai

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa